TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 20-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (tên viết tắt D); Địa chỉ: 130 P, phường 03, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc D Chi nhánh Hải Phòng - Phòng giao dịch Thủy Nguyên; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 05-QĐ/D-TNN1 và số 265/QĐ-D-PC cùng ngày 28/02/2020 và số 11/QĐ-D-HĐQT ngày 24/01/2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đỗ Thị T sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Mạc Văn H sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2021 cùng các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Theo đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 25/10/2017 chị Đỗ Thị T đề nghị vay của D số tiền 30.000.000 đồng và anh Mạc Văn H bảo lãnh cam kết trong trường hợp chị Đỗ Thị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho D thì anh Mạc Văn H sẽ trả nợ thay cho chị Đỗ Thị T đến khi trả hết nợ vay tại D. Ngày 06/11/2017 chị Đỗ Thị T có ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 008177580135878501T17042 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với D vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, thời hạn vay là 18 tháng, vay ngày 06/11/2017 đến hạn ngày 06/5/2019, lãi suất là 9,5%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ là trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng thành 18 kỳ, vào ngày 07 hàng tháng một kỳ là 1.910.000 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối là 1.805.000 đồng, ngày thanh toán đầu tiên 07/12/2017. Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, D đã giải ngân cho bên vay là chị Đỗ Thị T số tiền vay là 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Đỗ Thị T đã trả được 22.840.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi trong hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/01/2019, cụ thể không trả nợ gốc và nợ lãi theo nội dung đã thỏa thuận. Sau khi chị Đỗ Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn đã làm việc với chị Đỗ Thị T yêu cầu trả nợ nhưng chị Đỗ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho D số tiền nợ tính đến hết ngày 20/5/2022 là 11.579.513 đồng, trong đó: nợ gốc 7.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 375.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.044.513 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2022 đến ngày chị Đỗ Thị T thực trả hết nợ cho D theo lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 06/11/2017, trường hợp chị Đỗ Thị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho D thì anh Mạc Văn H phải trả nợ thay cho chị Đỗ Thị T đến khi trả hết nợ vay tại D, chị Đỗ Thị T phải chịu mọi chi phí phát sinh tại Tòa án và Cơ quan thi hành án.

Bị đơn là chị Đỗ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mạc Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không trình bày quan điểm của mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật

tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án và án phí dân sự sơ thẩm.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hợp đồng tín dụng và lý do đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được, chị Đỗ Thị T và anh Mạc Văn H không có ý kiến gì nên thuộc trường hợp không phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bị đơn là chị Đỗ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mạc Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đỗ Thị T và anh Mạc Văn H.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn xác định ngày 25/10/2017 chị Đỗ Thị T đề nghị vay của D số tiền 30.000.000 đồng và anh Mạc Văn H bảo lãnh cam kết trong trường hợp chị Đỗ Thị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho D thì anh Mạc Văn H sẽ trả nợ thay cho chị Đỗ Thị T đến khi trả hết nợ vay tại D. Ngày 06/11/2017 chị Đỗ Thị T có ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00817758013587850 1T17042 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) với D vay số tiền là 30.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, thời hạn vay là 18 tháng, vay ngày 06/11/2017 đến hạn ngày 06/5/2019, lãi suất là 9,5%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn, phương thức trả nợ là trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng thành 18 kỳ, vào ngày 07 hàng tháng một kỳ là 1.910.000 đồng, số tiền thanh toán kỳ cuối là 1.805.000 đồng, ngày thanh toán đầu tiên 07/12/2017. Thực hiện Hợp đồng tín dụng đã ký, D đã giải ngân cho bên vay là chị Đỗ Thị T số tiền vay là 30.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, chị Đỗ Thị T đã trả được 22.840.000 đồng tiền gốc và 3.900.000 đồng tiền lãi trong hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/01/2019, cụ thể không trả nợ gốc và nợ lãi theo nội dung đã thỏa

thuận. Sau khi chị Đỗ Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn đã làm việc với chị Đỗ Thị T yêu cầu trả nợ nhưng chị Đỗ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến hết ngày 20/5/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 11.579.513 đồng, trong đó: nợ gốc 7.160.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 375.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.044.513 đồng. Do vậy đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ trên cho nguyên đơn và tiền lãi phát sinh đến ngày thực trả hết nợ theo lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận, trường hợp bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì anh Mạc Văn H phải trả nợ thay cho bị đơn đến khi trả hết nợ vay.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 282, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (tên viết tắt D):

Buộc chị Đỗ Thị T phải trả cho D số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 008177580135878501T17042 ngày 06/11/2017 tính đến hết ngày 20/5/2022 là 11.579.513 đồng (bao gồm số tiền nợ gốc là 7.160.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 375.000 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 4.044.513 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp chị Đỗ Thị T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thì anh Mạc Văn H phải trả nợ thay cho chị Đỗ Thị T đến khi trả hết nợ vay.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 579.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007770 ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu